

Bản án số: 04/2024/KDTM-PT
Ngày 19 tháng 01 năm 2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 17 và 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 1061/2023/KDTM-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3204/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA. Địa chỉ: Số 130 PDL, Phường 3, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tăng Thanh A (theo Văn bản ủy quyền số: 163/QĐ-DAB-HĐQT-PC ngày 08/8/2022), có mặt.

2. **Bị đơn:**

2.1. Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1961. Địa chỉ: 397 NK, Phường 7, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cù Thanh S, sinh năm 1978. Địa chỉ: 120/29/19A6 TQĐ, Phường 4, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 26/01/2018), có mặt.

2.2. Ông Nguyễn Đức M (chết năm 2012)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Đức M:

2.2.1. Bà Nguyễn Hương T, sinh năm 1987; Địa chỉ: 397 NK, Phường 7, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2.2.2. Ông Nguyễn Anh K, sinh năm 2001; Địa chỉ: 3945 W. McFadden Ave, Unit A, Santa Ana, CA 92704, vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Hương T, ông Nguyễn Anh K có: Ông Cù Thanh S, sinh năm 1978; Địa chỉ: 120/29/19A6 TQĐ, Phường 4, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số 027896 công chứng ngày 27/12/2017 và theo Văn bản ủy quyền được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 09/7/2020), có mặt.*

3. *Người kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA - Là nguyên đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2008, Đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 27/11/2018, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA có ký kết Hợp đồng nguyên tắc số K.0231/1CT ngày 03/10/2006 và Hợp đồng tín dụng số K0001/1CT ngày 06/10/2006 với ông Nguyễn Đức M và bà Đỗ Thị D với nội dung cho ông M và bà D vay số tiền 6.100.000.000 VNĐ; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh chứng khoán, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 06/10/2006 đến ngày 06/10/2007, lãi suất vay: 1,20%/tháng. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay gồm: Căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 18/46C TQD, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 23 và Căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 18/80 (phần còn lại) TQD, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số K.0042/HĐTC ngày 04/10/2016; Quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 31⁻⁹⁹, tờ bản đồ số 04, xã PN, Phường 9, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 323/A9 ĐDA, Phường 9, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Hợp đồng thế chấp số K0041-06/HĐTC ngày 03/10/2006. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA đã giải ngân số tiền 6.100.000.000 đồng cho ông M, bà D vay theo Giấy nhận nợ ngày 06/10/2006.

Khi đến hạn thanh toán, ông M và bà D không thanh toán nợ vốn gốc, lãi trong hạn cũng như lãi quá hạn mặc dù phía Ngân hàng nhiều lần gửi công văn nhắc nhở. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA khởi kiện yêu cầu bị đơn ông M và bà D thanh toán nợ gốc 6.100.000.000 đồng và lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng.

Quá trình khởi kiện được sự đồng ý của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA, năm 2011 bị đơn đã bán tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 31⁻⁹⁹, tờ bản đồ số 04, xã PN, Phường 9, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 323/A9 ĐDA, Phường 9, quận PN, Thành

phố Hồ Chí Minh) để thu hồi tiền nợ gốc và ngày 27/01/2011 đã thanh toán nợ gốc 6.100.000.000 đồng.

Do đó Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi còn nợ gồm: Nợ lãi trong hạn tính từ ngày 18/10/2006 đến ngày 06/10/2007: 861.320.000 đồng (mức lãi suất 1,2%/tháng); Nợ lãi quá hạn tính từ ngày 06/10/2007 đến ngày 27/01/2011: 4.350.900.000 đồng (mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn là 1,8%/tháng). Tổng cộng: 5.212.220.000 đồng.

Về Bảng tính lãi hồ sơ vay ngày 20/8/2014 của Ngân hàng ĐA do bà Vũ Thị Thanh H ký với chức danh Phó Giám đốc thì tổng lãi tính tới thời điểm này là 3.448.426.667 đồng. Thời điểm này bà H có thẩm quyền ký giấy tờ này. Tuy nhiên, lãnh đạo Ngân hàng ĐA hiện nay không đồng ý với bảng tính lãi này, lý do tại văn bản cam kết của khách hàng ngày 26/01/2006 được Tổng Giám đốc phê duyệt đồng ý với lãi suất trong hạn 1,1%/tháng, chưa bao gồm lãi quá hạn và bảng tính lãi của ngân hàng có thiếu sót vì chỉ tính lãi trong hạn mà chưa tính lãi quá hạn.

Về tài sản thế chấp, hiện tại còn lại 02 tài sản thế chấp gồm: Căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 18/46C TQD, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 23 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 482/GCN-2003 do Ủy ban nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/3/2003; căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 18/80 (phần còn lại) TQD, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn bà D và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M có ông Cù Thanh S đại diện trình bày:

Thông nhất với ý kiến của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA về nội dung của Hợp đồng nguyên tắc số K.0231/1CT ngày 03/10/2006; Hợp đồng tín dụng số K0001/1CT ngày 06/10/2006 và các hợp đồng thế chấp như người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng đã trình bày.

Sau khi vay tiền, bà D và ông M gặp khó khăn về kinh tế nên chưa có khả năng thanh toán nợ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA đã khởi kiện yêu cầu bà D và ông M trả số nợ vay. Bà D có làm đơn xin được giảm mức lãi suất cho vay và tạo điều kiện cho bà D bán tài sản để trả nợ. Ngày 26/11/2011 bà D có viết giấy cam kết và được Tổng Giám đốc Ngân hàng ĐA đồng ý tính lãi suất 1,1% tháng. Sau đó bà D đã bán nhà để trả toàn bộ số nợ gốc.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng ĐA – Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh lập bảng tính lãi hồ sơ vay của khách hàng Nguyễn Đức M, Đỗ Thị D do Phó Giám đốc Ngân hàng ĐA – lập vào ngày 20/8/2014 cũng đã xác định lại tổng số lãi mà phía bị đơn bà D và ông M còn nợ là 3.448.426.667 đồng.

Do đó bà D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng ĐA số tiền lãi 3.448.426.667 đồng và chấp nhận phát mãi tài sản đã thế chấp nếu không trả được nợ cho ngân hàng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 1061/2023/KDTM-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 299, 320, 323, 615 và 637 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 12, 26 và 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc bà Đỗ Thị D và những người thừa kế của ông Nguyễn Đức M là bà Nguyễn Hương T và ông Nguyễn Anh K (bà Nguyễn Hương T và ông Nguyễn Anh K có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông Nguyễn Đức M trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Đức M chết để lại, trừ trường hợp có thoả thuận khác) có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA số tiền lãi còn nợ (tính từ ngày 18/10/2006 đến ngày 27/01/2011) phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc số K.0231/1CT ngày 03/10/2006, Hợp đồng tín dụng số K0001/1CT ngày 06/10/2006, Giấy cam kết ngày 26/11/2011 và Bảng tính lãi hồ sơ vay ngày 20/8/2014 là 3.448.426.667 (Ba tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Ngay sau khi bà Đỗ Thị D, bà Nguyễn Hương T, ông Nguyễn Anh K thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA có trách nhiệm thực hiện thủ tục giải chấp tài sản thế chấp và hoàn trả các giấy tờ của tài sản thế chấp cho bà Đỗ Thị D, bà Nguyễn Hương T, ông Nguyễn Anh K.

1.3. Trường hợp bà Đỗ Thị D, bà Nguyễn Hương T, ông Nguyễn Anh K không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm đã thế chấp gồm: Căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 18/46C TQD, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thửa đất số 38 tờ bản đồ số 23; Căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 18/80 (phần còn lại) TQD, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ. Sau khi trừ đi các khoản chi phí phát mãi theo quy định của pháp luật, số tiền phát mãi được dùng để thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA. Trường hợp còn dư thì hoàn lại cho bà Đỗ Thị D, bà Nguyễn Hương T, ông Nguyễn Anh K; nếu không đủ thì bà Đỗ Thị D, bà Nguyễn Hương T, ông Nguyễn Anh K (bà Nguyễn Hương T và ông Nguyễn Anh K có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản của

ông Nguyễn Đức M trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Đức M chết để lại, trừ trường hợp có thoả thuận khác) tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA đòi bà Đỗ Thị D, bà Nguyễn Hương T, ông Nguyễn Anh K có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA số tiền lãi còn nợ (tính từ ngày 18/10/2006 đến ngày 27/01/2011) phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc số K.0231/1CT ngày 03/10/2006, Hợp đồng tín dụng số K0001/1CT ngày 06/10/2006 là 1.763.793.333 (*Một tỷ bảy trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba*) đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 11/07/2023, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bị đơn bà D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA số tiền nợ lãi quá hạn là 1.763.793.333 đồng, yêu cầu xem xét tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA có ông A đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bị đơn bà D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA số tiền nợ lãi quá hạn là 1.763.793.333 đồng.

- Bị đơn bà D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M ủy quyền cho ông Cù Thanh S làm đại diện đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng ĐA, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA hợp lệ đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Xét thấy bản án sơ thẩm tuyên xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án. Do đó đề nghị bác đơn kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA, thấy rằng:

[2.1] Tại Hợp đồng tín dụng số K0001/1CT ngày 06/10/2006 Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA cho ông M và bà D vay số tiền 6.100.000.000 đồng, với lãi suất vay 1,20%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng. Sau đó đã giải ngân số tiền 6.100.000.000 đồng cho ông M, bà D vay theo Giấy nhận nợ ngày 06/10/2006. Khi đến hạn thanh toán, ông M và bà D không thanh toán nợ gốc, lãi nên Ngân hàng ĐA khởi kiện yêu cầu bị đơn ông M và bà D thanh toán nợ gốc 6.100.000.000 đồng và lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng.

Sau đó Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA đồng ý cho bị đơn bà D đã bán tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để trả toàn bộ số tiền nợ gốc vào ngày 27/01/2011.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA đòi bà D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi quá hạn là 1.763.793.333 đồng, Thấy rằng:

Tại Giấy cam kết ngày 26/01/2011 của bà D thể hiện nội dung: “*Trả lãi cho hợp đồng số K0001/CT (06/10/2006) với lãi suất từ ngày trả lãi cuối cùng cho đến ngày thanh toán hết vốn...khi tôi trả hết số tiền gốc là 6 tỷ thì ngân hàng giải chấp căn nhà số 323/A9 ĐDA P.9 PN cho tôi làm thủ tục mua bán*”. Tại giấy cam kết của bà D có sự đồng ý ký tên của tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA. Sau đó bà D đã thanh toán toàn bộ số nợ gốc như đã cam kết.

Đến ngày 20/8/2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA lập bản tính lãi hồ sơ vay của khách hàng Nguyễn Đức M và Đỗ Thị D của hợp đồng số K.0001/1CT, theo đó lãi suất (năm) là 13,2%, được tính bằng tổng số tiền là 3.448.426.667 đồng và từ ngày 27/01/2011 đến nay do khách hàng đã thanh toán phần vốn vào ngày 27/01/2011 nên không phát sinh lãi trong giai đoạn này.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D khai rằng vào thời điểm năm 2011 do không có khả năng thanh toán nợ nên bà D có xin Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA giảm tiền lãi để bà D bán tài sản để trả số nợ gốc.

Tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng quy định về chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất: “*1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng; 2. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác*

thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; 3. Trong trường hợp khách hàng vay hoặc người bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản; 4. Tổ chức tín dụng có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng”.

Xét lời khai của bà D phù hợp với Giấy cam kết của bà D về việc trả lãi đối với khoản vay theo mức lãi suất 1,1%/ tháng được sự xác nhận đồng ý của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA vào ngày 26/01/2011 phù hợp với bảng tính lãi của hồ sơ vay vốn mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA đã lập vào ngày 20/8/2014 và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, nên có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA buộc bà D và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA số tiền nợ lãi 3.448.426.667 đồng; bác yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA yêu cầu bị đơn bà D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi quá hạn là 1.763.793.333 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA kháng cáo cho rằng Bảng tính lãi của Ngân hàng lập ngày 20/8/2014 có thiếu sót vì chưa tính lãi quá hạn mà chỉ có tính lãi trong hạn nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA kháng cáo yêu cầu bà D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M trả phần tiền lãi quá hạn 1.763.793.333 đồng, tuy nhiên nguyên đơn cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA, giữ nguyên bản án sơ thẩm buộc bà D và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA số tiền nợ lãi 3.448.426.667 đồng; bác yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA bị đơn bà D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi quá hạn là 1.763.793.333 đồng, là có căn cứ.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA phải chịu án phí dân sự phúc thẩm tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các Quyết định khác của án sơ thẩm về việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA thực hiện thủ tục giải chấp tài sản sau khi bà D và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M thanh toán xong nợ cho Ngân hàng; về lãi suất chậm thi hành án; về việc phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ; về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 1061/2023/KDTM-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Buộc bà Đỗ Thị D và những người thừa kế của ông Nguyễn Đức M là bà Nguyễn Hương T và ông Nguyễn Anh K (bà Nguyễn Hương T và ông Nguyễn Anh K có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông Nguyễn Đức M trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Đức M chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác) có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA (tính từ ngày 18/10/2006 đến ngày 27/01/2011) phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc số K.0231/1CT ngày 03/10/2006, Hợp đồng tín dụng số K0001/1CT ngày 06/10/2006, Giấy cam kết ngày 26/11/2011 và Bảng tính lãi hồ sơ vay ngày 20/8/2014 với số tiền lãi còn nợ là 3.448.426.667 đồng (*Ba tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA đòi bà Đỗ Thị D, bà Nguyễn Hương T, ông Nguyễn Anh K có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA số tiền lãi quá hạn còn nợ (tính từ ngày 18/10/2006 đến ngày 27/01/2011) phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc số K.0231/1CT ngày 03/10/2006, Hợp đồng tín dụng số K0001/1CT ngày 06/10/2006 là 1.763.793.333 đồng (*Một tỷ bảy trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

3. Về án phí phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA phải nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí dân sự phúc thẩm tranh chấp về kinh doanh thương mại. Khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001846 ngày 31/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA đã nộp đủ.

4. Các Quyết định khác của án sơ thẩm về việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA thực hiện thủ tục giải chấp tài sản sau khi bà D và những người thừa kế

quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M thanh toán xong nợ cho Ngân hàng; về lãi suất chậm thi hành án; về việc phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ; về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**